

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2017/HSST
Ngày: 22/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Hồng Thu.
2. Ông Triệu Quang Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 148/2017/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Dương D, sinh năm 1964 tại tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 7, khối 6, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 1/10;

Con ông: Dương D1 (đã chết) và bà Lương K;

Chồng: Hoàng T (đã chết);

Con: Có 03 con; con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh 1991;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 07/4/2017 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan H và ông Nguyễn H - Luật sư Công ty luật hợp danh T.

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CTM, số 299 đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TM L

Địa chỉ: Số 125, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, chức vụ: Phó giám đốc Công ty, theo giấy ủy quyền số 307/GĐ-UQ ngày 08/9/2017 của Giám đốc Công ty TM L. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Dương D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 05/4/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (UBND) ban hành Quyết định thu hồi đất để xây dựng khu đô thị N, trong đó có thu hồi thửa đất số 290 diện tích 600m² và thửa đất số 323.1, diện tích 56m² (tổng 656m²) của hộ gia đình bà Lương K, sinh năm 1935 trú tại tổ 1, khối 14, phường H, thành phố L và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh quản lý theo kế hoạch. Ngày 04/5/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định giao cho Công ty TM L (gọi tắt là Công ty) làm chủ đầu tư xây dựng khu đô thị N. Ngày 06/9/2012, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh bàn giao mặt bằng đất thu hồi cho Công ty để thi công thực hiện dự án. Ngày 24/10/2012 UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi 10.598,1m², trong đó có 656m² đất của hộ gia đình bà K, giao cho Công ty để sử dụng tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng. Ngày 30/11/2012 Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao và cuối năm 2014 Công ty đã san ủi mặt bằng toàn bộ diện tích đất trên.

Giữa tháng 4/2015, gia đình bà Lương K (trong đó có hai người con gái bà K là Dương D và Dương T, sinh năm 1971 trú tại số 19, đường B, tổ 1, khối 14, phường H, thành phố L) đã dựng lán, trồng cây tái lán chiếm trên khu vực đất gia đình bị thu hồi. Việc làm của gia đình bà K, Công ty đã gửi nhiều văn bản đến UBND các cấp đề nghị có biện pháp giải quyết, đồng thời Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo lực lượng bảo vệ của Công ty tăng cường tuần tra, kịp thời phát hiện nhắc nhở gia đình bà K tạo điều kiện cho Công ty thực hiện dự án. Về kiến nghị của Công ty, UBND xã H, thành phố L đã tiến hành kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi gây cản trở việc sử dụng đất của người khác.

Để phối hợp giải quyết, ngày 19/12/2016 đại diện Công ty và bà K, bà T lập biên bản làm việc thống nhất một số nội dung như sau:

- Đối với hộ bà K: Phần diện tích đất bị thu hồi do hộ bà K quản lý chưa chia cho các con nên vẫn thuộc quyền quyết định của bà K. Bà K đề nghị được giao 01 ô đất tái định cư nằm giáp với diện tích đất còn lại của thửa đất số 323 và ô đất đó cho bà T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi cấp.

- Đối với Công ty: Nhất trí giao 01 ô đất số 24 - CL 29, diện tích 137m² theo bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng khu đô thị N I, thành phố L, đồng thời bà K cam kết không nhận tiền đền bù mà giao cho Công ty toàn quyền quyết định. Gia đình bà K có trách nhiệm bàn giao mặt bằng đất bị thu hồi đồng thời

với việc Công ty bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng ô đất cho hộ gia đình sau khi nhận mặt bằng 07 ngày để thi công. Nếu Công ty giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà T mà trong 02 ngày hộ gia đình chưa tháo dỡ nhà tạm xong thì Công ty sẽ giúp tháo dỡ trong 05 ngày kể từ ngày hai bên giao nhận mặt bằng.

Ngày 05/01/2017, bà T và Công ty đã lập bản cam kết: Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng ô đất số 24 - CL29, Công ty sẽ giao trực tiếp cho bà T tại bộ phận một cửa thành phố L; đồng thời di chuyển về khu đô thị N để tháo dỡ ngôi nhà tạm theo đúng cam kết. Công ty có trách nhiệm cấm mốc, bàn giao ô đất 24 - CL29 cùng ngày giao sổ.

Ngày 19/01/2017, Công ty đã gửi Công văn đến UBND thành phố L báo cáo về việc ngày 16/01/2017 bà T đã đến nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bộ phận một cửa của thành phố L nhưng không thực hiện như cam kết, thỏa thuận đã ký; cố tình chiếm giữ trái phép và cản trở thi công khu đất của Công ty.

Theo cam kết thỏa thuận, sáng ngày 20/01/2017, Công ty tổ chức tháo dỡ lán tái lấn chiếm của gia đình bà K. Công ty giao nhiệm vụ cho anh V, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn điều khiển máy xúc màu cam, nhãn hiệu SOLAR, Biển kiểm soát (BKS) 98LA - 0043 và anh Đ, sinh năm 1989, trú tại thôn Q, xã H, thành phố L điều khiển máy xúc nhãn hiệu HUYNDAI, màu vàng, BKS 12LA - 0146 thực hiện việc tháo dỡ lán. Ngoài ra còn một số cán bộ và nhân viên bảo vệ của Công ty gồm: Nguyễn H sinh năm 1960, trú tại 35/2, đường Đ, phường C, thành phố L; Lành D, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã H, thành phố L; Hoàng T, sinh năm 1981, trú tại số 3/11, đường N, phường Đ, thành phố L; Hoàng T, sinh năm 1971, trú tại đô thị NI, xã H, thành phố L; Đoàn T, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã H, thành phố L; Hoàng T, sinh năm 1973, trú tại 27, đường L, phường T, thành phố L; Hán H, sinh năm 1986, trú tại Ngõ 10A, đường B, phường H, thành phố L được giao nhiệm vụ hỗ trợ việc tháo dỡ.

Thấy Công ty đến tháo dỡ lán, bà K cùng Dương D và Dương T đã ra ngăn cản. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh V điều khiển máy xúc màu da cam, BKS 98LA-0043 vừa đưa gầu máy dỡ góc mái lán phía sau thì Dương D cầm một mẫu gạch bê tông ném vỡ kính bên trái cabin máy xúc BKS 98LA-0043, mảnh kính vỡ văng trúng tai trái anh V gây thương tích. Khoảng 15 phút sau, anh Đ điều khiển máy xúc màu vàng, BKS 12LA - 0146 tiếp tục đi vào để phá dỡ thì bị ném vỡ kính bên phải cabin. Anh Nguyễn H là bảo vệ của công ty thấy bà K tay cầm dao đã vào ngăn cản thì bị bà K khua dao trúng vào mu bàn tay phải gây thương tích (kết quả giám định tỷ lệ thương tật 06%).

Tại biên bản định giá tài sản tổ tụng hình sự số 09/ĐGTSTT ngày 24/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố L xác định: Kính chắn gió cabin bên trái của máy xúc 98LA - 0043 bị vỡ vụn hoàn toàn, thiệt hại trị giá 2.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 150/KSĐT ngày 30 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Dương D về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 143 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương D khai và thừa nhận: Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2017 tại khu lán tạm của gia đình ở khu đô thị N I, xã H, thành phố L, do bức xúc vì chuồng trại nuôi gia súc, gia cầm tại lán của gia đình đang bị máy xúc của Công ty TM L phá dỡ nên D đã cầm gạch ném vào chiếc máy xúc màu cam đang tháo dỡ, nhưng không nhìn rõ kính có vỡ hay không. Bị cáo thừa nhận việc ném vào máy xúc gây thiệt hại tài sản cho người khác là sai, bị cáo ân hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người làm chứng anh Đỗ H khai: Khi tôi thấy máy xúc vào phá lán dựng tạm của gia đình tôi thì tôi thấy bà K (bà ngoại), bà D (bác) và bà T là mẹ tôi vào ngăn cản lực lượng chức năng, tôi thấy chiếc máy xúc màu cam không rõ biển số đang phá dỡ mái phía sau lán, tôi quan sát thấy bác D có nhặt đá ở dưới đất ném 02 phát vào kính chiếc máy xúc này nhưng có vỡ hay không thì tôi không biết; còn mẹ tôi có ném nhiều lần vào chiếc máy xúc màu vàng.

Người làm chứng bà Dương T khai: Sáng hôm 20/01/2017 tôi có cùng gia đình ra ngăn cản lực lượng của Công ty vào tháo dỡ lán tạm của gia đình, bản thân tôi không ném đá và cũng không gây thiệt hại cho ai.

- Những người làm chứng khác trực tiếp có mặt tại hiện trường như anh Nguyễn Xuân H, Nguyễn H, Hoàng T, Lành D, Hán H, Hoàng Th, những người này đứng cùng một phía với bà D và chỉ cách bà D khoảng 2-3 m và đứng cạnh chỗ máy xúc; họ đều khẳng định khi chiếc máy xúc màu cam BKS 98LA-0043 do V điều khiển đang phá dỡ phần mái nhà tạm phía sau thì bà D có nhặt mẫu gạch dưới đất ném 02 phát về phía kính bên trái của máy xúc, đến phát thứ hai thì kính xe của anh V bị vỡ.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty TM L đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định. Công ty không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về chiếc kính máy xúc bị vỡ.

Lời bào chữa của luật sư cho bị cáo: Việc bị cáo D ném đá vào máy xúc của Công ty TM L là có, tuy nhiên nguyên nhân sâu xa là do bức xúc việc tài sản của gia đình bị Công ty phá dỡ trong khi chưa bồi thường. Bản thân bị cáo trình độ văn hóa thấp, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tại phiên tòa bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo và ân hận về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Dương D phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; Điều 31; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương D từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ .

Không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản.

Về dân sự: Xác nhận tại phiên tòa phía Công ty không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản. Trả lại bị cáo số tiền đã nộp để khắc phục hậu quả.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; tiêu hủy những vật chứng đã thu giữ vì là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của những người làm chứng trực tiếp có mặt tại hiện trường; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, do đó có căn cứ để xác định: Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2017 tại khu lán tạm của gia đình Dương D ở khu đô thị N I, xã H, thành phố L, Dương D đã dùng gạch ném vỡ kính máy xúc BKS 98LA - 0043 do anh V điều khiển.

Tại biên bản định giá tài sản số 09/ ĐGTSTT ngày 24/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L đã xác định tài sản bị thiệt hại là 2.500.000 đồng.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo Dương D phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 143 Bộ luật hình sự. Việc truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo khai báo chưa thành khẩn. Tuy nhiên, tại phiên tòa nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho

Công ty. Bị cáo thuộc hộ gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, các yếu tố về nhân thân của bị cáo, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bản thân từ trước tới nay chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Bị cáo có khả năng tự cải tạo; có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Căn cứ Điều 31 Bộ luật hình sự, thấy chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa. Vì nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2017 của Cơ quan điều tra Công an thành phố L xác định: Bị cáo Dương D không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản; vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi gây thiệt hại, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho phía Công ty TM L và nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L số tiền 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa, phía Công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do vậy số tiền bị cáo đã nộp tuyên trả lại cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Những vật chứng của vụ án đã thu giữ là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Đối với anh V trong quá trình tháo dỡ lán lán chiếm và điều khiển máy xúc bị thương do mảnh kính bắn vào tai và anh Nguyễn H bị thương vào tay do xô sát trong lúc ngăn cản đối tượng. Ngày 10/8/2017 đã có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người gây thương tích cho bản thân và không yêu cầu bồi thường.

Đối với chiếc máy xúc BKS 12LA - 0146 do anh Đoàn T điều khiển trong lúc tháo dỡ lán cũng bị Dương T ném vỡ kính. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã tách để xử lý riêng.

Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức hình phạt và các vấn đề khác đề nghị khi áp

dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo và nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Dương D phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Dương D cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ quy định về cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận Công ty TM L, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản.

- Trả lại bị cáo Dương D số tiền 2.500.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền khắc phục hậu quả số AA/2012/00583 ngày 29/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 mảnh kính vỡ màu xanh, bề mặt có dính chất liệu màu đen, diện tích 27cm x 12,5cm x 0,5cm;

- 01 cục đá màu nâu đỏ diện tích 10cm x 6,5cm x 4,5cm;

- 01 cục gạch ba banh màu xám trắng diện tích 11cm x 07cm x 6,5cm.

(Vật chứng trên hiện được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L theo Biên bản giao vật chứng ngày 01/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Dương D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo và nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Bị cáo, nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Sinh